

Bản án số: 127/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05/9/2024

Về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY - TỈNH THANH HÓA

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngọc Hoàng và bà Trịnh Thị Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024, Tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số 60/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST ngày 8 tháng 8 năm 2024.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L** - Sinh năm 1995

HKTT: **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**

Vắng mặt tại phiên tòa - Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Quách Văn G** - Sinh năm 1993

HKTT: **Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.**

(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 đã được tổng đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn chị **L** trình bày: Chị và anh **G** có quan hệ yêu thương và tìm hiểu trước, đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 3 năm 2015 tại **UBND xã C, huyện C.**

Sau khi kết hôn được ít ngày thì anh **G** đi làm xa nhà, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau, thỉnh thoảng anh **G** mới về thăm vợ con dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm lạnh nhạt. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm

gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị làm đơn xin ly hôn với anh **G**

Về con chung: Chị và anh **G** có một con chung là cháu **Quách Ngọc Bảo T** - Sinh ngày 24/02/2015.

Chị **L** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T** đến tuổi thành niên vì lâu nay cháu **T** đang ở với chị. Chị không yêu cầu anh **G** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tại thời điểm chị **L** làm đơn xin ly hôn anh **G** không có mặt ở nhà. Anh **G** đi làm ăn xa thỉnh thoảng về nhà ở ít ngày rồi lại đi.

Do vậy Tòa án đã phối hợp với **thôn L** và **UBND xã C** để tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng. Tuy nhiên anh **G** vẫn cố tình không đến Tòa để làm việc và cung cấp địa chỉ cụ thể.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh **G** gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện **Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy**: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227 và điều 273 - BLTTDS. Căn cứ các điều 51;56;81;82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị xử cho chị **L** được ly hôn anh **G**. Đề nghị giao cháu **Quách Bảo T** - Sinh ngày 24/02/2015 chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị **L** không yêu cầu anh **G** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí : Chị **L** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị L1** làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với

bị đơn là anh **Quách Văn G** có hộ khẩu thường trú tại: **Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa quy định tại điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh **G** hiện tại không có mặt tại địa phương. Quyết định xét xử và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy và Quyết định hoãn phiên tòa đã được giao theo quy định theo quy định của pháp luật. Vì vậy căn cứ theo quy định của pháp luật Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh **G**.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn và nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về Hôn nhân : Chị **L1** và anh **G** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C** nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống chị **L1** và anh **G** phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vì sống xa nhau. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị **Nguyễn Thị L1** được ly hôn anh **Quách Văn G** là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị **Nguyễn Thị L1** và anh **Quách Văn G** có 01 con chung là Quách Bảo Trâm - Sinh ngày 24/02/2015.

Chị **L1** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quách Bảo Trâm đến tuổi thành niên. Chị **L1** không yêu cầu anh **G** cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu **Quách Bảo T** cũng có đơn nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Xét nguyện vọng của chị **L1** là chính đáng và phù hợp vì hiện tại cháu **Quách Bảo T** đang ở ổn định với chị **L1**, anh **G** không quan tâm gì đến cháu.

Vì vậy nên giao cháu **Quách Bảo T** cho chị **L1** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

[5] Về tài sản chung: Chị **L1** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **L1** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227 và điều 273-BLTTDS. Căn cứ các điều 51;56;81;82 và 83- Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị L1**.

Xử cho chị **Nguyễn Thị L1** được ly hôn anh **Quách Văn G**.

Về con chung: Giao cháu **Quách Bảo T** - Sinh ngày 24/02/2015 cho chị **Nguyễn Thị L1** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị **L1** không yêu cầu anh **G** cấp dưỡng nuôi

con chung.

Anh **G** có quyền nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con, các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị **L1** phải chịu 300.000đồng án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị đã nộp theo biên lai thu số 000991 ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Thủy.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H. Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- **Chi cục THADS H. Cẩm Thủy;**
- UBND xã thực hiện đăng ký;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Sơn